

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày 10-5-2018  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Lua, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Hồng Cẩm N, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã X, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** anh Nguyễn Phương D, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồng Cẩm N trình bày:

- Năm 2016 được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, chị và anh Nguyễn Phương D tự nguyện về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến trong quan niệm sống với nhau. Và anh D thường xuyên uống rượu với bạn bè, không quan tâm, bỏ bê vợ. Mặc dù cha mẹ hai bên có hòa giải nhưng anh D không thay đổi, chị và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Từ đó, chị thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh D không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phương D.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản: có vàng cưới bên chồng cho là 09 chỉ vàng 24K, một đôi bông và 01 chiếc nhẫn nhưng sau khi cưới mẹ chồng và chồng đã mượn lại 09 chỉ vàng 24K. Bên chị cho là 11 chỉ vàng 24K, 08 chỉ vàng 18K, 01 tủ nhôm mua sau khi cưới giá lúc mua 2.800.000 đồng. Số vàng bên chị cho đã bán chỉ xài sau khi cưới do lúc đó vợ chồng đi làm nhưng chưa nhận lương. Còn số vàng mẹ chồng và chồng mượn nếu mẹ chồng trả lại thì chị nhận còn không trả thì chị không yêu cầu. Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Phương D trình bày:

- Quá trình chung sống vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Sau khi cưới thì vợ nhiều lần bỏ nhà về cha mẹ ruột ở. Nguyên nhân theo chị N nói là do không hợp nhau. Nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng về chung sống cùng nhau. Về việc uống rượu cùng bạn bè thì do anh đi làm nên việc giao lưu với đồng nghiệp là không tránh khỏi do đó nếu quay về chung sống thì anh chỉ có thể giảm chứ không thể bỏ được. Đối với yêu cầu ly hôn của chị N thì anh nhận thấy mâu thuẫn không trầm trọng nên anh không đồng ý.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: có số vàng như lời chị N trình bày. Đối với ý kiến của chị N về tài sản chung anh không có ý kiến.

- Nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Phương D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng có ý kiến bằng văn bản đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phương D. Về quan hệ pháp luật chị N yêu cầu ly hôn với anh D đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Hồng Cẩm N và anh Nguyễn Phương D tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã A, huyện M theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Hồng Cẩm N và anh Nguyễn Phương D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Hồng Cẩm N và anh Nguyễn Phương D xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, anh D không đồng ý ly hôn với chị N nhưng không có biện pháp hàn gắn hiệu quả và vắng mặt tại phiên tòa, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh D cho thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị N đã trầm trọng, không thể kéo dài đời sống chung vợ chồng, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng Cẩm N đối với anh Nguyễn Phương D.

Về con chung: chị N và anh D xác định không có con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: chị Hồng Cẩm N và anh Nguyễn Phương D xác định không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: chị Hồng Cẩm N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chị Hồng Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Phương D.

2. Con chung: không có.

3. Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm chị Hồng Cẩm N phải nộp 300.000 đồng, chị Hồng Cẩm N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011747 ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Hồng Cẩm N đã nộp xong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Việt Hằng**